

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH KHÁNH H1**

Bản án số: **32/2024/DS-ST**

Ngày 10-5-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng và tranh chấp hợp
đồng chuyển nhượng quyền
sử dụng đất”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH H1

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hương

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Hoa

Bà Nguyễn Thị Xuân Mai

- *Thư ký phiên toà:* Bà Trương Thị Thắm – Thư ký Toà án, Toà án nhân dân
thị xã Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên toà: Bà Đào Khánh
Ly – Kiểm sát viên

Ngày 10/5/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công
khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc
“*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử
dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐXXST-DS ngày
29/12/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 09/2024/QĐST-DS ngày 18/01/2024
giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP A**

Địa chỉ: Số A Cách Mạng Tháng Tám, phường C, quận D, TP.HCM

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Cẩm N – Chức vụ: Trưởng phòng
khách hàng cá nhân – Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh N. Có mặt

Địa chỉ: A Thái Nguyên, phường S, TP.N, tỉnh Khánh H1.

- *Bị đơn:* Ông **Phan Đăng K**, sinh năm 1979 và bà **Trần Thị H**, sinh năm
1974

Địa chỉ: TDP B, phường T, thị xã N, tỉnh Khánh H1. Bà H có mặt, ông K có
đơn đề nghị vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1972

Địa chỉ: TDP B, phường T, thị xã N, tỉnh Khánh H1. Có mặt.

2. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh H1. Có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:

Ngày 11/01/2020, ông Phan Đăng K và bà Trần Thị H ký hợp đồng tín dụng số 0020/2020/401-CV với Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh N (viết tắt Ngân hàng) để vay số tiền 800.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh mua bán và buôn chuyên hàng hải sản, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 12.45%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Phương thức trả nợ gốc vào ngày 14/01/2021, trả lãi vay vào ngày 14 hàng tháng.

Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0010/2020/401-BĐ ngày 11/01/2020, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 430, tờ bản đồ số 4 tại tổ dân phố Bá Hà 2, phường T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa theo GCN số CE 590040, sổ vào sổ cấp GCN: CH00190 do UBND thị xã N cấp cho ông Phan Đăng K và bà Trần Thị H ngày 28/11/2016. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay đã vi phạm thời hạn trả nợ theo hợp đồng, do đó Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn vào ngày 23/10/2020.

Đồng thời, ngày 18/01/2020, ông Phan Đăng K ký hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ số 0041/2020/404-CV với Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh n vay và sử dụng 03 thẻ tín dụng, hạn mức 30.000.000 đồng, gồm thẻ Cash Card, số tài khoản 340103922250003, thẻ JCB, số tài khoản 740103922250001, thẻ Master Card, số tài khoản 640103922250002.

Tính đến ngày 10/5/2024, tổng số tiền ông K và bà H còn nợ Ngân hàng là 1.398.123.565 đồng, trong đó tiền gốc 800.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn 496.499.178 đồng, lãi trong hạn 16.645.479 đồng, lãi chậm trả lãi 5.601.072 đồng; nợ thẻ tín dụng JCB số tiền 12.951.456 đồng, nợ thẻ tín dụng Cash Card 60.228.992 đồng, nợ thẻ tín dụng Master Card số tiền 6.197.388 đồng. Bà yêu cầu ông K và bà H trả cho Ngân hàng số tiền nói trên. Trường hợp ông K và bà H không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có sẽ yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp.

- *Ý kiến của bị đơn bà Trần Thị H:* Bà thống nhất với ý kiến của bà N về nội dung hợp đồng tín dụng và tổng số tiền hiện tại vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng. Sau khi thế chấp nhà và đất thuộc thửa 430 của vợ chồng bà cho Ngân hàng để vay

tiền, vì diện tích thửa đất còn trống nên vợ chồng bà chuyển nhượng cho bà Trần Thị H1 (là chị ruột của bà H) diện tích đất khoảng 75m² của thửa 430 nói trên với giá 400.000.000 đồng để bà H1 xây nhà ở, bà H1 đã giao đủ tiền. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng mà không lập hợp đồng, vợ chồng bà không thông báo cho bà H1 biết về việc thửa đất 430 đang thế chấp Ngân hàng và cũng không báo cho Ngân hàng biết việc chuyển nhượng này.

Hiện tại hoàn cảnh vợ chồng bà khó khăn nên bà xin Ngân hàng giảm tiền lãi còn 200.000.000 đồng và 800.000.000 đồng tiền gốc, bà xin trả dần hàng tháng, có bao nhiêu trả bấy nhiêu.

- *Ý kiến của bị đơn ông Phan Đăng K có trong hồ sơ:* Thông nhất với ý kiến của bà H về nội dung hợp đồng tín dụng, số tiền còn nợ Ngân hàng và việc chuyển nhượng một phần diện tích đất của thửa 430 cho bà H1. Hiện tại hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần cho Ngân hàng mỗi tháng 20.000.000 đồng, ông không có ý kiến gì về căn nhà bà H1 đã xây dựng trên thửa đất 430 nói trên.

- *Theo đơn yêu cầu độc lập, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H1 trình bày:*

Năm 2020, bà có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông K và bà H diện tích đất khoảng 75m² thuộc một phần thửa đất 430. Khi nhận chuyển nhượng hai bên không lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà chỉ thỏa thuận miệng. Giá chuyển nhượng là 400.000.000 đồng, bà đã đưa đủ tiền cho vợ chồng ông K và bà H. Sau khi nhận chuyển nhượng thì bà đã xây nhà trên toàn bộ diện tích đất đó. Bà không biết tại thời điểm đó vợ chồng ông K và bà H đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất đã chuyển nhượng cho bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với vợ chồng bà H và ông K đối với diện tích bà đã xây dựng nhà ở thuộc một phần thửa 430 nói trên. Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà với vợ chồng ông K và bà H vô hiệu thì bà yêu cầu ông K và bà H trả cho bà số tiền nhận chuyển nhượng đất là 400.000.000 đồng và giá trị nhà đã xây dựng theo thẩm định giá tài sản.

- *Ý kiến của bà Nhung về yêu cầu độc lập của bà H1:*

Vợ chồng ông K và bà H chuyển nhượng cho bà H1 một phần diện tích đất của thửa 430 sau khi ông K và bà H đã thế chấp cho Ngân hàng. Việc chuyển nhượng này không hợp pháp và Ngân hàng cũng không biết nên bà không đồng ý đối với yêu cầu độc lập của bà H1 về việc công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông K, bà H với bà H1.

- *Ý kiến của H về yêu cầu độc lập của bà H1:*

Bà đồng ý công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên giữa vợ chồng bà với bà H1. Hiện tại vợ chồng bà không có tiền nên bà không đồng ý trả tiền nhận chuyển nhượng đất và giá trị nhà cho bà H1.

- *Ý kiến của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N*: Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N đang tổ chức thi hành theo bản án số 40/2020/DS-ST ngày 31/12/2020 và bản án số 07/2022/DS-ST ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân thị xã N. Để đảm bảo cho việc thi hành các bản án trên, Chi cục thi hành án dân sự thị xã N đã thực hiện thủ tục kê biên và bán đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 430, tờ bản đồ số 4 tại tổ dân phố B, phường T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nhưng chưa bán được tài sản.

Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H1, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP A với ông Phan Đăng K và bà Trần Thị H là hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp ông K và bà H không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp.

Về yêu cầu độc lập của bà H1: Xét thấy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông K, bà H với bà H1 được thực hiện sau khi ông K và bà H thế chấp thửa 430 cho Ngân hàng để vay tiền, đồng thời hợp đồng chuyển nhượng này không tuân thủ quy định của pháp luật. Do đó hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên vô hiệu, buộc ông K và bà H trả cho bà H1 số tiền 400.000.000 đồng tiền giá trị đất đã nhận và 369.009.000 đồng giá trị nhà đã xây dựng theo thẩm định giá tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Xét thấy bị đơn ông Phan Đăng K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A yêu cầu bị đơn ông Phan Đăng K và bà Trần Thị H; địa chỉ: tổ dân phố B, phường T, thị xã N, tỉnh Khánh H1 trả số tiền vay tính đến ngày 10/5/2024 là 1.398.123.565 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H1 yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông K, bà H với bà H1. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

Ngày 11/01/2020, ông Phan Đăng K và bà Trần Thị H ký hợp đồng tín dụng số 0020/2020/401-CV với Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Nha Trang (gọi tắt Ngân hàng) để vay số tiền 800.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh mua bán và buôn chuyển hàng hải sản, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 12.45%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Phương thức trả nợ gốc vào ngày 14/01/2021, trả lãi vay vào ngày 14 hàng tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay đã vi phạm thời hạn trả nợ theo hợp đồng do đó Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn vào ngày 23/10/2020.

Đồng thời, ngày 18/01/2020, ông Phan Đăng K ký hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ số 0041/2020/404-CV với Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh N vay và sử dụng 03 thẻ tín dụng, hạn mức 30.000.000 đồng, gồm thẻ Cash Card, số tài khoản 340103922250003, thẻ JCB, số tài khoản 740103922250001, thẻ Master Card, số tài khoản 640103922250002.

Tính đến ngày 10/5/2024, tổng số tiền ông K và bà H còn nợ Ngân hàng là 1.398.123.565 đồng, trong đó tiền gốc 800.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn 496.499.178 đồng, lãi trong hạn 16.645.479 đồng, lãi chậm trả lãi 5.601.072 đồng; nợ thẻ tín dụng JCB số tiền 12.951.456 đồng, nợ thẻ tín dụng Cash Card 60.228.992 đồng, nợ thẻ tín dụng Master Card số tiền 6.197.388 đồng.

Bà H yêu cầu Ngân hàng giảm tiền lãi, còn 200.000.000 đồng tiền lãi và 800.000.000 đồng tiền gốc, tổng số tiền bà H xin trả cho Ngân hàng là 1.000.000.000 đồng và xin trả dần hàng tháng, có bao nhiêu trả bấy nhiêu.

Xét thấy việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ nói trên giữa Ngân hàng TMCP A với ông Phan Đăng K và bà Trần Thị H là có thật và hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp phù hợp với pháp luật. Việc ông K, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận đối với khoản vay trên đã xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, buộc ông K và bà H phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 10/5/2024 là 1.398.123.565 đồng. Ngoài ra, ông K và bà H còn

phải trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 11/5/2024 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ cho Ngân hàng.

Đối với yêu cầu độc lập của bà H1, khi bà H1 nhận chuyển nhượng diện tích đất thuộc một phần thửa 430 thì ông K và bà H đang thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 430 cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0010/2020/401-BĐ ngày 11/01/2020, việc thế chấp này có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền nên hợp đồng thế chấp này hợp pháp.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông K, bà H với bà H1 không tuân thủ về hình thức, không được sự đồng ý của bên nhận thế chấp là vi phạm quy định về nghĩa vụ của bên thế chấp theo khoản 8 Điều 320 Bộ luật dân sự năm 2015: “ ... Không được bán, thay thế, trao đổi, tặng cho tài sản thế chấp... ”, do đó hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên vô hiệu, lỗi của ông K và bà H không thông báo cho bà H1 biết đang thế chấp GCN của thửa 430 mà vẫn chuyển nhượng cho bà H1, nên buộc ông K và bà H phải trả cho bà H1 số tiền 400.000.000 đồng giá trị đất đã nhận và giá trị tài sản đã xây dựng trên đất theo kết quả thẩm định giá tài sản gồm nhà ở diện tích 72,7m² giá 327.150.000 đồng, mái che diện tích 43,1m² giá 19.395.000 đồng, cổng, trụ cổng giá 5.400.000 đồng, hàng rào giá 17.064.000 đồng. Tổng số tiền ông K và bà H phải trả cho bà H1 là 769.009.000 đồng.

[4]. Về chi phí tố tụng:

Bị đơn phải chịu chi phí tố tụng gồm chi phí đo vẽ là 5.000.000 đồng, chi phí thẩm định giá tài sản là 25.000.000 đồng. Tổng chi phí tố tụng là 30.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này nên bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[5]. Về án phí:

- Vì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông K và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là:

+ Về án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: 1.398.123.565 đồng = 36.000.000 đồng + 3% x 598.123.565 đồng = 53.943.706 đồng.

+ Về án phí đối với yêu cầu độc lập của bà H1: 20.000.000 đồng + 4% x 369.009.000 đồng = 34.760.360 đồng.

Tổng cộng ông K và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 53.943.706 đồng + 34.760.360 đồng = 88.704.066 đồng.

- Vì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu nên bà H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0001431 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Bà H1 đã nộp đủ án phí.

- Hoàn lại cho Ngân hàng số tiền 22.126.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0003667 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 157; Điều 227; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 123, 131, 320, 463, 466, 468, 500, 503 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 91; Điều 94; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQU14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

- Buộc ông Phan Đăng K và bà Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền tính đến ngày 10/5/2024 là **1.398.123.565** đồng, trong đó tiền gốc 800.000.000 đồng, lãi trong hạn 16.645.479 đồng, lãi chậm trả lãi 5.601.072 đồng, lãi quá hạn 496.499.178 đồng, nợ 3 thẻ tín dụng với số tiền 79.377.836 đồng.

Ngoài ra ông K và bà H còn phải trả tiền lãi phát sinh đối với số tiền gốc chưa trả theo hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 11/5/2024 cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP A.

- Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp ông Phan Đăng K và bà Trần Thị H không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 430, tờ bản đồ số 4 tại tổ dân phố B, phường T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa theo GCN số CE 590040, số vào sổ cấp GCN: CH00190 ngày 28/11/2016 do UBND thị xã N cấp cho ông Phan Đăng K và bà Trần Thị H để thu hồi toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp chưa thực hiện việc xử lý tài sản thế chấp đối với thửa đất 430 nói trên nhưng ông K và bà H đã thanh toán đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP A phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 590040 đối với thửa 430 nói trên cho ông K và bà H.

2. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phan Đăng K và bà Trần Thị H với bà Trần Thị H1 vô hiệu. Buộc ông Phan Đăng K và bà Trần Thị H phải trả cho bà Trần Thị H1 số tiền 769.009.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Ông Phan Đăng K và bà Trần Thị H phải chịu 88.704.066 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Bà Trần Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0001431 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Bà H1 đã nộp đủ án phí.

3.3. Hoàn lại cho Ngân hàng số tiền 22.126.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0003667 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Phan Đăng K và bà Trần Thị H phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền 30.000.000 đồng.

Quy định: Bản án này được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh H1;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương